TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN NAM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 6 - 2025
V/v: "Tranh chấp ly hôn; tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm.
Các Hội thẩm nhân dân: bà Hứa Thị Mây Sum và bà Nguyễn Thị Đan Thanh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tham gia phiên toà: ông Lê Muộn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 về *"Tranh chấp ly hôn; Tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29a/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị La Thị Đ - sinh năm 1991 (vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: anh Kiều Vũ T - sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị La Thị Đ trình bày:

Chị và anh Kiều Vũ Thiên S chung đời sống vợ chồng từ năm 2014, tự nguyện tìm hiểu nhau, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn số: 26/2014 ngày 18/02/2014 tại UBND xã P. Chị và anh T có 02 *(Hai)* con chung tên là Kiều Nhật H, sinh ngày 24/6/2021 và Kiều Minh Q, sinh ngày 05/8/2014, đang sống với chị. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng. Lý do mâu thuẫn: Bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tình cảm vợ chồng; anh T không còn quan tâm

đến các con, không lo làm ăn. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh Kiều Vũ T.

Về con chung: Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 *(Hai)* con chung tên là Kiều Nhật H, sinh ngày 24/6/2021 và Kiều Minh Q, sinh ngày 05/8/2014 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Kiều Vũ T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa sơ thẩm vụ án nhưng vắng mặt không có lý do, không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cho Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị La Thị Đ có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị La Thị Đ. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn chị Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị La Thị Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn anh Kiều Vũ T và yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, đây là vụ án về Hôn nhân và Gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Kiều Vũ Thiên H1 đang cư trú tại thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị La Thị Đ có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Bị đơn anh Kiều Vũ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai

nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị La Thị Đ và anh Kiều Vũ T.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2014 ngày 18/02/2014 tại UBND xã P (BL 01), thể hiện: chị La Thị Đ và anh Kiều Vũ T có đăng ký kết hôn số 26/2014 ngày 18/02/2014 tại UBND xã P. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của chị Đ và anh T là hôn nhân hợp pháp, thời điểm kết hôn vào ngày 18/02/2014, có đủ các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[3.2]. Quá trình chung sống vợ chồng, do chị Đ và anh T bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn; vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Theo trình bày của chị Đ và Biên bản xác minh ngày 24/3/2025 tại UBND xã P (BL 20) đã thể hiện: Quá trình sinh sống tại địa phương, anh Kiều Vũ T và chị La Thị Đ đã không còn sống chung với nhau, còn mâu thuẫn vợ chồng là gì thì địa phương không biết, anh T hiện nay đã đi làm công nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình giải quyết vụ án, chị Đ yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, anh T cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ, điều này chứng tỏ các bên không có thiện chí hòa giải hàn gắn nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3]. Về con chung: Chị Đ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 *(Hai)* con chung tên là Kiều Nhật H, sinh ngày 24/6/2021 và Kiều Minh Q, sinh ngày 05/8/2014 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu H và cháu Q đang sống chung với chị Đ; cháu Q cũng có nguyện vọng được sống với chị Đ. Anh T cũng không có ý kiến đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị Đ trong vụ án này. Cháu H và cháu Q đang sống với chị Đ nên việc chăm sóc, giáo dục con của chị Đ sẽ tốt hơn cho sự phát triển bình thường của các cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H và cháu Q cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[3.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; Các điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị La Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị Đ được ly hôn anh Kiều Vũ T.

2. Về con chung: Giao chị La Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng 02 *(Hai)* con chung tên là Kiều Nhật H, sinh ngày 24/6/2021 và Kiều Minh Q, sinh ngày 05/8/2014. Anh Kiều Vũ T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: chị La Thị Đ phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* mà chị Đ đã nộp theo Biên lai thu số 0004868 ngày 18/3/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Chị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tống đạt được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- UBND xã Phước Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quốc Tâm